| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK GLONG**<br>TỈNH ĐẮK NÔNG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 27 -9- 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vụ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Hữu Tỷ và ông Lý Văn Hòe

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nga là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:*** Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

**1. Vàng A C**, sinh năm 1992 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư rú: thôn 7 (cụm 10) , xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: tin lành; con ông Vàng A P (đã chết) và bà Thào Thị D; Cng sống như vợ chồng với bà Sồng Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt từ ngày 23-6-2023 - Có mặt.

**2. Sồng A T**, sinh năm 2002 tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Sồng A L và bà Giàng Thị P, có vợ là Vừ Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt từ ngày 23-6-2023 đến ngày 13-6-2024; tại ngoại - Có mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo:*

Bà Phạm Thị T, Công ty luật TNHH Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

Bà Vi Thị A, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Hoàng Ngọc T, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ –Có mặt.

*Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: bon B, xã Đ, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện của nguyên đơn dân sự:* Ông K'T, Phó Chủ tịch UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

*Người phiên dịch:* Ông Lầu Pá T; Cán bộ Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thông huyện Đ– Có mặt.

*Người làm chứng:*

- Bà Vừ Thị D, bà Sồng Thị D; cùng địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Lý A T, ông Sùng A L; cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Ông Hạng A D và ông Lù A L; cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Ông Lý A L; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Ông Hờ A L; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

*Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để làm rõ các tình tiết của vụ án:*

- Ông Phạm Văn T, Phó Trạm trưởng Trạm kiểm lâm địa bàn liên xã Đ; Địa chỉ: Bon P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Y'Khim Buôn K, Kiểm lâm viên địa bàn liên xã Đ; địa chỉ: Tổ 3, phường Ng, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Lâm Chí H, Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Đ; địa chỉ: Bon Phai Kol Pru Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Sùng A T, Kiểm lâm viên địa bàn liên xã Đ; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Hoàng Thanh B Kiểm lâm viên địa bàn liên xã Đ; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Trần Văn H, Kiểm lâm viên địa bàn liên xã Đ; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông K'C; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông –Vắng mặt.

- Ông K'B; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Nguyễn Anh V, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông– Có mặt.

- Ông Ngô Văn N, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông– Có mặt.

- Ông Trương Quang T, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông– Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, Giám định viên, Đội Kiểm lâm cơ động phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ – Vắng mặt.

- Ông Lê Văn S, Kiểm lâm viên, Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Ông K'T; địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 01/2023, Vàng A C biết được thông tin Giàng Xáy Th đang cần thuê người phát rẫy. Khoảng 16 giờ ngày 21-01-2023, trên đường đi làm về C gặp Th, hai bên trao đổi thống nhất C sẽ phát rẫy cho Th với giá 8.000.000 đồng và hẹn sáng ngày 22-01-2023 Th sẽ dẫn C đi chỉ vị trí đám rẫy cần phát.

Khoảng 06 giờ 30 ngày 22-01-2023, C điều khiển xe máy chở vợ là chị Sồng Thị D đến gặp Th như đã hẹn. Th điều khiển xe máy chạy trước dẫn đường, còn C điều khiển xe máy chở Dủa đi theo sau. Th dẫn C đi đến địa phận xã Đ, theo đường đất đi đến một căn nhà rẫy *(nhà của anh Giàng Phái X, trú tại Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, nhưng anh X không ở đây)* thì để xe máy tại đây. Th và C đi bộ đến vị trí khu vực Th thuê phát còn chị D mệt nên không đi cùng. Trên đường đi, C nhặt được một cục đá mài nằm ở ven đường nên bỏ vào ven đường phía đối diện để hôm sau sử dụng. Th chỉ cho C vị trí cần phát có hiện trạng vẫn là rừng gồm chủ yếu là các cây lồ ô, xen cây gỗ. Vị trí này có một phía giáp với khe đồi, trên đỉnh giáp với rẫy mì *(sắn)*, một bên đỉnh giáp rẫy cà phê, bên còn lại là giáp rừng lồ ô, xen cây gỗ. Th nói ở phía giáp rừng lồ ô, xen cây gỗ Th đã chặt cây, đánh dấu ranh ở 03 vị trí và nói C chỉ tiến hành chặt, phát từ dưới chân đồi lên đỉnh và phát đến 03 vị trí Th đã đánh dấu thì dừng lại, phần còn lại là của người khác. Còn ở phần tiếp giáp với rẫy cà phê thì phát chừa lại khoảng 02m, để sau này đốt sẽ không bị cháy lan sang rẫy cà phê của người khác. Quá trình phát cây nếu thấy lực lượng Kiểm lâm thì bỏ chạy không để bị bắt, còn nếu bị bắt thì không được nói là phát rẫy thuê cho Th. Do trong khu vực này vẫn còn nhiều cây gỗ lớn dao không chặt được *(đường kính trên 25cm)*, nên Th và C thỏa thuận cây nào lớn không chặt

được thì C để lại. Mặc dù nhận thức được khu vực này vẫn là rừng, nhưng C vẫn đồng ý chặt, phát thuê cho Th. Sau đó C đi bộ về nhà rẫy của anh X, lấy xe máy chở Dủa về, còn Th đi về sau. Về đến nhà, C nói cho chị D biết đã đồng ý đi phát rẫy cho Th, chứ không nói là đi phát rừng nên chị D xin đi cùng để nấu cơm cho C ăn. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C điều khiển xe máy chở Dủa, mang theo gạo, nồi nấu ăn, bát, đũa, gia vị và 01 dao phát *(dài 90 cm; phần cán bằng gỗ, màu vàng nâu, dài 50 cm, phần lưỡi bằng kim loại, dài 40 cm, lưỡi dao rộng nhất 07 cm)* vào nhà rẫy của anh X, để ngày hôm sau đi phát rẫy cho Th.

Khoảng 06 giờ ngày 23-01-2023, C một mình mang theo dao phát đi bộ vào vị trí Th thuê phát cây. Đi đến vị trí để cục đá mài dao trước đó, C chặt cây lồ ô to bằng cổ tay người lớn, lấy một đoạn dài khoảng 01m, rồi đẽo một lỗ *(bằng chiều dài cục đá mài dao)* để bỏ cục đá mài vào. Sau đó, C tiến hành dùng dao chặt, phát các cây lồ ô, cây gỗ từ dưới khe đồi lên trên đỉnh đồi, khi chặt, phát cây đến gần rẫy cà phê, C chừa lại khoảng 02m không phát nữa. C chặt, phát cây đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì nghỉ. C để đá mài và dao phát ở hiện trường, rồi đi về nhà rẫy của anh X nghỉ. Trên đường về, C gặp Th và Th đưa cho C ứng trước số tiền 1.000.000 đồng để mua đồ ăn. Nhận tiền, C đi về nhà rẫy của anh X, còn Th đi đâu không rõ.

Chiều cùng ngày, C chở chị D đến nhà ông Sồng A L tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông *(là bố vợ C)* chơi. Tại đây C gặp Sồng A T cũng đến chơi. C, T và chị D ăn uống và nghỉ ngơi qua đêm tại nhà ông Lâu. Khoảng 09 giờ ngày 24-01-2023, C nói cho T biết việc được Th thuê phát rừng lồ ô với giá 8.000.000 đồng và rủ T đi làm cùng. T nói phát lồ ô sợ bị Kiểm lâm và Công an bắt nhưng C nói "*rẫy của chú Th phát không phải sợ*" thì T đồng ý. C nói đã ứng trước 1.000.000 đồng để mua đồ ăn và đã đi phát được một buổi sáng, nên cả hai thống nhất, số tiền công còn lại sẽ chia đôi.

Khoảng 07 giờ ngày 25-01-2023, C đi xe máy chở chị D, còn T đi xe máy chở theo chị Vừ Thị D *(là vợ của T)* mang theo 01 con dao phát *(dài 90 cm; phần cán bằng gỗ, màu vàng nâu, dài 50 cm, phần lưỡi bằng kim loại, dài 40 cm, lưỡi dao rộng nhất 07 cm)* cùng đi vào nhà rẫy của anh X, khi đến nơi tất cả nấu cơm ăn và nghỉ trưa. Khoảng 13 giờ cùng ngày, C dẫn T đi bộ vào vị trí phát cây thuê cho Th, còn chị D và chị D ở nhà rẫy của anh X. Đến nơi, C chỉ cho T biết vị trí cây rừng cần phát và phần C đã chặt phát trước đó. Tiếp đó, C dùng dao đã để lại tại hiện trương, còn T sử dụng dao phát vừa mang theo cùng tiến hành chặt, phát các cây lồ ô, cây gỗ nối tiếp từ vị trí C đã chặt phá trước đó. Quá trình chặt, phát cây, C và T đứng cách nhau khoảng 02 - 03 m, sử dụng dao phát chặt, phát cây từ dưới chân đồi lên đỉnh đồi, khi chặt, phát đến vị trí có cây lồ ô do Th đã chặt đánh dấu thì quay lại. Cả hai phát đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ, để lại dao

phát tại hiện trường rồi đi về nhà rẫy của anh X nghỉ ngơi.

Những ngày sau đó, C và T tiếp tục vào vị trí có cây lồ ô, cây gỗ chặt, phát thuê cho Th, buổi sáng phát từ khoảng 06 giờ 00’ đến 11 giờ 00’, buổi chiều phát từ khoảng 13 giờ đến 16 giờ. Quá trình chặt, phát cây, dao phát và đá mài để lại hiện trường. Khi chặt, phát đến vị trí do Th đánh dấu, các vị trí tiếp giáp rẫy mì và cách rẫy cà phê khoảng 02m như Th yêu cầu thì dừng lại. C và T chặt, phát cây đến khoảng 16 giờ 00’ ngày 28-01-2023 thì chặt, phát xong toàn bộ diện tích rừng do Th thuê. Trong quá trình C và T chặt phát rẫy thì Dủa và Danh không tham gia và cũng không đến vị trí chặt phát. Phát xong, C cầm đoạn lồ ô có cục đá mài dao, mang để lại ven đường, đối diện vị trí đã nhặt trước đó, rồi cùng T cầm con dao phát đi về nhà rẫy của anh X lấy xe máy, rồi đi đến nhà Th tại Thôn 2, xã Đắk Som để lấy tiền công. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, khi đến nhà Th thì T cùng D và D đứng ngoài sân chờ, chỉ một mình C đi vào nhà gặp và nói cho Th biết đã chặt, phát cây xong nên Th trả cho C số tiền 7.000.000 đồng còn lại, số tiền này C chia cho T 3.500.000 đồng.

Đến ngày 07-4-2023, biết sự việc đã bị Cơ quan Công an phát hiện, nên C và T đến Công an huyện Đắk Glong đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như trên và giao nộp đồ vật, tài liệu có liên quan.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/02/2023, xác định diện tích rừng bị phá là **13.700m$^2$** (**1,37ha)** tại lô 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 do UBND xã Đ quản lý.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 16/02/2023 và bản Kết luận giám định tư pháp bổ sung số 05-2023/KL-GĐCN ngày 20/7/2023 của ông Nguyễn Văn Thanh - Giám định viên tư pháp công tác tại Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận: Toàn bộ diện tích **13.700m$^2$** (**1,37ha)** cây bị phá trái pháp luật tại lô 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760, đủ tiêu chí thành rừng; trạng thái là *“rừng hỗn giao lồ ô - gỗ tự nhiên núi đất”*; thuộc quy hoạch *“đất rừng sản xuất”*.

**- Về trữ lượng rừng bị thiệt hại**:

+ Trữ lượng lồ ô trung bình/1,37 ha là **7.626 cây**.

+ Trữ lượng gỗ thiệt hại bình quân trên 1,37 ha là **14,252m$^3$**.

**- Mức độ thiệt hại về rừng: 100%**.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đắk Glong xác định: Giá trị thiệt hại về tài nguyên rừng của **13.700m$^2$** (**1,37ha)** rừng bị hủy hoại vào thời điểm ngày 28/01/2023 là **320.814.000** đồng *(Ba trăm hai mươi triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng)*.

Tuy nhiên, sau khi C và T đầu thú, ngày 10-4-2023 theo chỉ dẫn của Vàng A C và Sồng A T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong phối hợp Viện Kiểm sát nhân dân, cùng Hạt Kiểm lâm huyện Đ và các bên có liên quan tiến hành xác minh vị trí, hiện trường rừng do các đối tượng phá, xác định diện tích rừng bị phá là **26.570m$^2$ (2,657ha)** tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47, khoảnh 8, tiểu khu 1754 do UBND xã Đ quản lý. Như vậy, ngoài diện tích rừng bị hủy hoại theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03-02-2023 đã xác định, thì C và T còn phá thêm **12.870m$^2$ (1,287ha)** rừng tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47 khoảnh 8, tiểu khu 1754 do UBND xã Đ quản lý.

Để có cơ sở xử lý trách nhiệm của C và T đối với toàn bộ diện tích rừng đã hủy hoại. Cơ quan CSĐT đã tiến hành trưng cầu giám định đối với diện tích **12.870m$^2$ (1,287ha)** rừng bị hủy hoại. Tuy nhiên, tại bản Kết luận giám định tư pháp số 04-2023/KL-GĐCN ngày 21-7-2023 của ông Nguyễn Văn T - Giám định viên tư pháp công tác tại Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận đối với diện tích **12.870m$^2$ (1,287ha)** bị hủy hoại tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47 khoảnh 8, tiểu khu 1754 do UBND xã Đ quản lý:

- **Về tiêu chí thành rừng; trạng thái rừng; trữ lượng rừng bị thiệt hại; mức độ thiệt hại về rừng quy ra diện tích**: Do hiện trường đã bị tác động do cháy, tại hiện trường chỉ còn một số gốc cây lồ ô tuy nhiên thân và mặt cắt của gốc đều đã bị cháy *(đã có cây tái sinh)*, nên không xác định được cây lồ ô bị chặt hạ hay bị chết tự nhiên, thời gian chết… nên không có cơ sở giám định.

- **Về quy hoạch rừng, loại rừng:** Toàn bộ diện tích **12.870m$^2$ (1,287ha)** thuộc quy hoạch *"rừng sản xuất". (bút lục 104 - 106)*

Do Giám định viên không giám định được phần diện tích **12.870m$^2$ (1,287ha)** có cây bị hủy hoại có đủ tiêu chí thành rừng không, trữ lượng về rừng bị thiệt hại là bao nhiêu nên không có căn cứ định giá tài sản đối với phần diện tích này.

Tại các biên bản xác minh ngày 10-4-2023, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03-02-2023 và công văn cung cấp chứng cứ, đồ vật tài liệu, dữ liệu điện tử ngày 13-6-2023 của Hạt kiểm lâm huyện Đ, xác định diện tích rừng bị từng bị cáo hủy hoại cụ thể như sau: Ngày 23-01-2023, Vàng A C một mình hủy hoại **1.610m$^2$ (0,161ha)** rừng; từ ngày 25 - 28/01/2023, Vàng A C và Sồng A T cùng nhau hủy hoại **12.090m$^2$ (1,209ha)** rừng nằm trong diện tích **13.700m$^2$ (1,37ha)** rừng bị hủy hoại tại lô 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760.

Cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 11-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Vàng A C và Sồng A T về tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vàng A C, Sồng A T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng không oan.

Tại phiên tòa Kiểm lâm viên trực tiếp khoanh vẽ hiện trường rừng bị hủy hoại trình bày: do hiện trường rừng bị phá có địa hình dốc, cây cối đổ ngổn ngang, che lấp không có lối đi nên việc xác định diện tích thiếu chính xác, khi thực hiện được khoảng 2/3 diện tích thì có mưa lớn nên chưa đo hết toàn bộ diện tích rừng thực tế bị phá; sau đó áp các vị trí tọa độ khu vực rừng bị phá lên bản đồ diễn biến rừng xác định diện tích là 14.140 $m^2$ và nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên đã báo với Lãnh đạo Hạt kiểm Lâm để tổ chức khám nghiệm hiện trường mà chưa kịp kiểm tra, đo lại hiện trường, dẫn đến diện tích rừng bị hủy hoại có sự chênh lệnh.

Đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên trực tiếp tham gia khám nghiệm hiện trường đều trình bày: Khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Đoàn khám nghiệm đã tiến hành khám nghiệm hết toàn bộ diện tích rừng bị phá, tuy nhiên do tin tưởng vào kết quả báo cáo của Kiểm lâm nên Đoàn khám nghiệm đã thống nhất sử dụng diện tích rừng bị hủy hoại theo biên bản kiểm tra của Trạm kiểm lâm địa bàn xã Đ đã thiết lập để tiến hành khám nghiệm mà không tiến hành đo lại diện tích rừng bị phá; sau khi các bị cáo ra đầu thú, ngày 10-4-2023 theo chỉ dẫn của các bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong tiến hành xác minh vị trí hiện trường rừng do các các bị cáo phá, xác định diện tích rừng bị phá là 26.570$m^2$; sự chênh lệch về diện tích, tứ cận của diện tích rừng bị hủy hoại là do Đoàn khám nghiệm đã chủ quan tin tưởng vào diện tích của Kiểm lâm cung cấp; tuy nhiên Cơ quan điều tra đã kịp thời khắc phục, xác minh, điều tra làm rõ nên đủ căn cứ để xác định diện tích rừng bị hủy hoại như nội dung đã truy tố là đúng với diện tích rừng các bị cáo đã phá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa sau khi trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vàng A C, Sồng A T phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vàng A C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sồng A T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao phát, bằng kim loại, dài 40 cm, phần lưỡi dao rộng nhất 07 cm, phần sống lưng dao bị gãy *(nhưng chưa đứt rời)* do Vàng A C

giao nộp; 01 dao phát dài 90 cm, phần cán bằng gỗ dài 50 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40 cm Sồng A T giao nộp.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng do Sồng A T phạm tội mà có; truy thu số tiền 4.500.000 đồng do Vàng A C phạm tội mà có, sung vào ngân sách Nhà nước, do phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Đ tổng số tiền **320.814.000** đồng, được khấu trừ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả.

*Người bào chữa cho các bị cáo Vàng A C, Sồng A T, ông Hoàng Ngọc T trình bày luận cứ:*

Thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo; tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là nghiêm khắc; các bị cáo không phải là người chủ mưu mà chỉ là người làm thuê với vai trò giúp sức; về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ buộc các bị cáo bồi thường một phần thiệt hại, vì Giàng Xáy Th người chủ mưu thuê các bị cáo hủy hoại rừng phải có trách nhiệm bồi thường cùng với các bị cáo nhưng hiện tại Giàng Xáy Th đã bỏ trốn chưa thực hiện việc bồi thường.

*Người bào chữa cho các bị cáo Vàng A C, Sồng A T, bà Phạm Thị T trình bày luận cứ:*

Thống nhất với quan điểm bào chữa của ông Hoàng Ngọc Tuấn; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cụ thể: sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số thiếu hiểu biết và có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mới phát rẫy thuê và xảy ra việc phạm tội; việc để xảy ra hủy hoại rừng cũng có một phần lỗi của đơn vị chủ rừng (nguyên đơn dân sự) và công tác quản lý bảo vệ rừng của cơ quan chức năng còn lỏng lẻo, dẫn đến việc phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nhận thấy đối với Kiểm lâm viên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong công tác điều tra, kiểm sát đối với quá trình giải quyết vụ án còn chủ quan và chưa làm hết trách nhiệm nên dẫn đến có sự chênh lệch về diện tích và mâu thuẫn về tứ cận vị trí tiếp giáp của diện tích rừng bị hủy hoại; tuy nhiên những sai sót trên không làm thay đổi bản chất của vụ án và đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra, xác minh làm rõ khắc phục; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo, nguyên đơn dân sự, người bào chữa cho các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được chấp nhận.

[2]. Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các trình bày của những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong các ngày 23/01/2023 và từ ngày 25 - 28/01/2023, Vàng A C, Sồng A T đã chặt phát thuê cho Giàng Xáy Th **13.700m$^2$ (1,37ha)** diện tích rừng sản xuất tại lô 23, 35aa khoảnh 6 tiểu khu 1760 diện tích 13.700 m$^2$ do UBND xã Đ được giao quản lý (trong đó diện tích do một mình Vàng A C chặt phát là 1.610m$^2$ , diện tích Vàng A C và Sồng A T cùng phát là 12.090 m$^2$), giá trị thiệt hại tính bằng tiền là **320.814.000** đồng *(Ba trăm hai mươi triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng)*.

Do đó hành vi của các bị cáo Vàng A C và Sồng A T đã phạm tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

**Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015**

*1.Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a)...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

*a) ...*

*đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m$^2$) đến dưới 50.000 mét vuông (m$^2$);*

..

Đối với phần diện tích **12.870 m2 (1,287ha)** bị cáo C và T khai nhận đã chặt phá tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47 khoảnh 8, tiểu khu 1754; tuy nhiên việc phát hiện, xử lý đối với diện tích đất trên của Cơ quan chức năng chưa được kịp thời dẫn đến hiện trường đã bị tác động *(bị cháy)* không giám định được tiêu chí thành rừng, trữ lượng rừng bị phá và trạng thái rừng do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đối với phần diện tích này.

[3]. Xét tính chất vụ án do hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, đã xâm hại đến sự bền vững, ổn định của môi trường và hệ sinh thái. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa trong toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6]. Xét thấy trong vụ án này tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là khác nhau; bị cáo Vàng A C tham gia hủy hoại rừng nhiều diện tích hơn và là người rủ bị cáo Sồng A T hủy hoại rừng nên cần xử phạt bị cáo Vàng A C với mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Sồng A T.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị cáo phải bồi thường theo quy định đối với diện tích **26.570m$^2$ (2,657ha)** tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47, khoảnh 8, tiểu khu 1754 bị hủy hoại.

Tuy nhiên theo những phân tích nêu trên, cơ quan Cyên môn chỉ xác định được giá trị thiệt hại đối với diện tích **13.700m$^2$ (1,37ha)** diện tích rừng sản xuất tại lô 23, 35aa khoảnh 6 tiểu khu 1760 diện tích 13.700 m$^2$ với giá trị thiệt hại tính bằng tiền là **320.814.000** đồng nên có cơ sở để buộc bị cáo liên đới bồi thường số tiền này cho nguyên đơn dân sự.

Xét thấy bị cáo Vàng A C là người phá diện tích rừng nhiều hơn so với bị cáo T nên cần buộc bị cáo C bồi thường số tiền 179.258.000 đồng; bị cáo Sồng A T phải bồi thường số tiền 141.556.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã nộp mỗi bị cáo 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong để khắc phục hậu quả. Do đó, buộc bị cáo Vàng A C phải tiếp tục bồi thường số tiền 174.258.000 đồng, bị cáo Sồng A T phải bồi thường số tiền 136.556.000 đồng.

Đối với diện tích 12.870 m2 (1,287ha) bị cáo C và T khai nhận đã chặt phá tại lô 22, 23, 35aa, khoảnh 6, tiểu khu 1760 và lô 37, 47 khoảnh 8, tiểu khu 1754 không tiến hành giám định và định giá được nên không có cở để buộc các bị cáo bồi thường.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc chỉ buộc các bị cáo bồi thường một phần thiệt hại vì Giàng Xáy Th là người thuê các bị cáo phá rừng phải có trách nhiệm bồi thường cùng với các bị cáo; tuy nhiên hiện tại Giàng Xáy Th đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách vụ án nên về trách nhiệm dân sự có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao phát, bằng kim loại, dài 40 cm, phần lưỡi dao rộng nhất 07 cm, phần sống lưng dao bị gãy *(nhưng chưa đứt rời)* do Vàng A C giao nộp; 01 dao phát dài 90 cm, phần cán bằng gỗ dài 50 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40 cm Sồng A T giao nộp.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có; truy thu số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo C phạm tội mà có, sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Đối với Giàng Xáy Th hiện tại đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tiến hành tách vụ án cùng với tài sản kê biên là xe ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI, loại CRETA, biển kiểm soát 48A - 154.87 của Giàng Xáy Th để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định là phù hợp.

[11]. Đối với Sồng Thị D và Vừ Thị D, không tham gia chặt phá rừng, không biết diện tích các bị cáo chặt phát là rừng nên không có căn cứ xử lý.

[12]. Đối với Giàng Phái X, không biết việc các bị cáo sử dụng nhà của mình để ở trong thời gian chặt phá rừng nên không có căn cứ xử lý.

[13]. Đối với trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Đ, Kiểm lâm địa bàn trong việc để xảy ra thiệt hại về rừng, kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Vàng A C và Sồng A T phạm tội *"Hủy hoại rừng"*.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vàng A C 03 *(Ba)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 23-6-2023.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sồng A T 03 *(Ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-6-2023 đến ngày 13-6-2024.

[1.2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Đ tổng số tiền **320.814.000** đồng *(Ba trăm hai mươi triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng),* được khấu từ số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 0001930 và số 0001931 ngày 14-9-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong. Buộc các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Đ tổng số tiền **310.814.000** đồng *(Ba trăm mười triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng),* trong đó bị cáo Vàng A C bồi thường số tiền 174.258.000 đồng *(Một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng)*, bị cáo Sồng A T bồi thường số tiền 136.556.000 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng)*.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao phát, bằng kim loại, dài 40 cm, phần lưỡi dao rộng nhất 07 cm, phần sống lưng dao bị gãy *(nhưng chưa đứt rời)* do Vàng A C giao nộp; 01 dao phát dài 90 cm, phần cán bằng gỗ dài 50 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40 cm Sồng A T giao nộp

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)* do bị cáo Sồng A T phạm tội mà có; truy thu số tiền 4.500.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* do bị cáo Vàng A C phạm tội mà có sung vào ngân sách Nhà nước.

*( Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-12-2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong với Chi cục Thi hành án dân sự sự huyện Đắk Glong và giấy ủy nhiệm chi ngày 12-10-2023 của Công an huyện Đắk Glong).*

**3. Về án phí**: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Quốc Vụ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Vụ**